

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ Ngành Kinh tế phát triển

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 439 /QĐ-QLKTTW ngày 20 tháng 5 năm 2022
của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương)*

Phần 1

CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Căn cứ pháp lý liên quan đến chức năng đào tạo

- Quyết định số 42/2018/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 10/2005/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ cho Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- Quyết định số 597/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SDH ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao chuyên ngành đào tạo tiến sĩ cho Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

2. Căn cứ pháp lý liên quan đến chương trình đào tạo

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học giai đoạn 2020 - 2025.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 1 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Quyết định số 347/QĐ-QLKTTW ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2022.

3. Các căn nhu cầu thực tiễn

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025;

- Kết quả tìm hiểu đặc điểm, đặc thù về nhu cầu của các nghiên cứu sinh đã và đang học tập, nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

- Kết quả tìm hiểu nhu cầu của xã hội và một số cơ quan, tổ chức trong và ngoài Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sử dụng cán bộ, người lao động trình độ tiến sĩ;

- Kết quả phối hợp giữa Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương với trường Đại học kinh tế Quốc dân trong đào tạo các học phần bổ sung (ở trình độ thạc sĩ) cho các nghiên cứu sinh của Viện trong giai đoạn vừa qua;

- Kết quả rà soát, đối chiếu khối lượng kiến thức và cấu trúc nội dung Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Kinh tế phát triển tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương qua các giai đoạn.

- Kết quả thảo luận tại các phiên họp của Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Phần 2

MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Kinh tế phát triển tại Viện là hình thành nguồn nhân lực có trình độ đạt chuẩn bậc trình độ

tiến sĩ (Bậc 8) theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Khi được cấp bằng tiến sĩ, người học sẽ có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu ngành Kinh tế phát triển; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế phát triển.

1.2. Các mục tiêu cụ thể

1. Trang bị và giúp NCS nâng cao kiến thức căn bản, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về ngành Kinh tế phát triển; nâng cao năng lực tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo của NCS để làm chủ, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của ngành Kinh tế phát triển;

2. Hỗ trợ NCS rèn luyện và phát triển khả năng phát hiện, phân tích, chứng minh và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về Kinh tế phát triển, quản trị doanh nghiệp; Xác định đúng mục tiêu, nội dung và cách thức tác động của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý trong lĩnh vực kinh tế; Đề xuất các chính sách và công cụ quản lý, điều tiết kinh tế vĩ mô; Phát hiện và đưa ra các giải pháp sáng tạo để khai thác, phân bổ và quản lý hiệu quả các nguồn lực trong nền kinh tế quốc dân.

3. Hướng dẫn NCS hình thành và phát triển kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức và ý tưởng mới theo đề tài; hỗ trợ NCS rèn luyện các phương pháp nghiên cứu ngành Kinh tế phát triển và liên ngành (định lượng và định tính); kỹ năng thực hiện và trình bày kết quả nghiên cứu chuyên đề tiến sĩ, bài báo khoa học và luận án tiến sĩ.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Kinh tế phát triển tại Viện Nghiên cứu Kinh tế phát triển Trung ương, phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

2.1. Về kiến thức

Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện thuộc ngành Kinh tế phát triển; nắm vững các kiến thức căn bản, cốt lõi ở mức độ cao về học thuật, học thuyết và các nguyên lý Kinh tế phát triển; có khả năng làm chủ được các kiến thức tiên tiến thuộc ngành kinh tế học, ngành Kinh tế phát triển; có khả năng tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của ngành Kinh tế phát triển.

2.2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích và chứng minh bản chất các hiện tượng kinh tế, các quá trình mang tính quy luật của sự phát triển kinh tế; kỹ năng xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, công cụ và biện pháp quản lý, định hướng, điều tiết và thúc đẩy phát triển kinh tế và kinh doanh;

- Có kỹ năng sáng tạo và sử dụng các tiêu chí, chỉ số, chỉ tiêu đo lường và đánh giá khách quan hiệu lực, hiệu quả Kinh tế phát triển, quản trị kinh doanh trong tổng thể nền kinh tế quốc dân, ngành, lĩnh vực và vùng, địa phương; đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc ngành Kinh tế phát triển, nhất là các giải pháp chính sách nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong nền kinh tế quốc dân;

- Có kỹ năng trao đổi, tranh biện học thuật và đối thoại về các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc ngành Kinh tế phát triển; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề lý luận và thực tiễn cụ thể thuộc ngành Kinh tế phát triển ở quy mô quốc gia, khu vực và quốc tế;

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực phát hiện bản chất của các hiện tượng kinh tế, các quá trình kinh tế trong trạng thái “động”, phát hiện vấn đề và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn để giải quyết các vấn đề của Kinh tế phát triển; tự chủ định dạng được cách thức tác động, điều chỉnh của chủ thể quản lý đối với đối tượng Kinh tế phát triển (vĩ mô và vi mô) phù hợp với các chiến lược và quy hoạch phát triển trong từng thời kỳ, xác định các công cụ, biện pháp thích ứng và xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực Kinh tế phát triển.

- Có khả năng chủ trì các Hội thảo khoa học, đưa ra được những sáng kiến Kinh tế phát triển có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến của người khác đưa ra; có khả năng đối thoại về các vấn đề về pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế quản lý và chính sách kinh tế; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực Kinh tế phát triển.

- Có năng lực chuyên môn vững chắc và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển về chuyên môn của tập thể, định hướng phát triển chiến lược của tổ chức đang tại nghiệp; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có khả năng quyết định về kế hoạch, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới trong lĩnh vực Kinh tế phát triển.

3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Trước khi học tập, nghiên cứu trình độ tiến sĩ ngành Kinh tế phát triển tại Viện Nghiên cứu Kinh tế phát triển Trung ương người học phải đáp ứng tối thiểu các điều kiện sau đây:

3.1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với ngành đào tạo

Trước khi học, người học phải có bằng thạc sĩ phù hợp với ngành Kinh tế phát triển. Bằng phù hợp là bằng có ngành (hoặc chuyên ngành) đúng hoặc gần đúng với ngành Kinh tế phát triển, cụ thể:

- Bằng thạc sĩ đúng với ngành Kinh tế phát triển là bằng có tên ngành (hoặc tên chuyên ngành) là Kinh tế phát triển.

- Bằng thạc sĩ gần đúng với ngành Kinh tế phát triển là bằng có ngành (hoặc chuyên ngành) thuộc một trong các ngành được quy định tại Danh sách giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Tài chính - ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế xây dựng. Những trường hợp có bằng thạc sĩ có ngành (hoặc chuyên ngành) gần đúng với ngành Kinh tế phát triển khi trúng tuyển sẽ phải học bổ sung kiến thức ở trình độ thạc

sĩ nhằm bổ trợ kiến thức và trình độ chuyên môn trước khi học các học phần trong chương trình đào tạo và làm luận án.

3.2. Có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học

Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện; hoặc có thời gian công tác từ 2 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

3.3. Có trình độ ngoại ngữ

Người học là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều c Khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành tại Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.4. Có định hướng nghiên cứu rõ ràng

Người học trước khi học tập, nghiên cứu ngành Kinh tế phát triển phải có đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa một cách rõ ràng, chi tiết.

3.5. Một số điều kiện khác

Có đủ sức khỏe để học tập; không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên. Có cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Viện.

4. Cấu trúc và khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Kinh tế phát triển tại Viện Nghiên cứu Kinh tế phát triển Trung ương, gồm 5 phần: (1) Học các môn bổ sung trình độ thạc sĩ; (2) Học các học phần trình độ tiến sĩ; (3) Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; (4) Nghiên cứu, viết chuyên đề tiến sĩ; (5) Nghiên cứu, viết và bảo vệ luận án tiến sĩ.

4.2. Khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo

Tổng khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Kinh tế phát triển tại Viện Nghiên cứu Kinh tế phát triển Trung ương là 90 tín chỉ đối với người có trình độ thạc sĩ. Trong đó:

- Học các môn bổ sung trình độ thạc sĩ không tín chỉ học tập, chỉ áp dụng để chuẩn hóa kiến thức cho những người học có bằng thạc sĩ gần đúng với ngành đào tạo;
- Học các học phần trình độ tiến sĩ có khối lượng kiến thức là 15 tín chỉ;
- Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học là 6 tín chỉ;
- Nghiên cứu, viết chuyên đề tiến sĩ là 12 tín chỉ;
- Nghiên cứu, viết và bảo vệ luận án tiến sĩ là 57 tín chỉ.

5. Cách tính khối lượng học tập trong Chương trình đào tạo

- Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá. Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

Phần 3

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Học các học phần bổ sung trình độ thạc sĩ

1.1. Đối tượng áp dụng

Các nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ thuộc chuyên ngành gần đúng với ngành Kinh tế phát triển phải học bổ sung một số môn học ở trình độ thạc sĩ để chuẩn hóa, nâng cao kiến thức.

1.2. Mục đích, yêu cầu

Giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS ngành Kinh tế phát triển; bảo đảm cho NCS khi thực hiện các học phần trình độ tiến sĩ đã có kiến thức và trình độ chuyên môn đúng với ngành Kinh tế phát triển, cập nhật kiến thức tiên tiến.

1.3. Nơi học và thời gian học

- Căn cứ vào các môn nghiên cứu sinh phải học bổ sung trình độ thạc sĩ, Viện liên hệ và giới thiệu cơ sở đào tạo để nghiên cứu sinh tham gia học cho phù hợp. Viện đã có hợp đồng hợp tác đào tạo với Trường Đại học kinh tế Quốc dân.

- Thời gian học các môn bổ sung trình độ thạc sĩ phải được tổ chức trước khi nghiên cứu sinh học các học phần trình độ tiến sĩ.

1.4. Khối lượng kiến thức

Học các học phần bổ sung trình độ thạc sĩ không tính vào khối lượng kiến thức của Chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổ trưởng Tổ bộ môn chủ trì, phối hợp với người hướng dẫn khoa học của nghiên cứu sinh lựa chọn các môn học để nghiên cứu sinh học bổ sung trình độ thạc sĩ. Căn cứ vào các môn học trong bảng điểm ở trình độ thạc sĩ của nghiên cứu sinh với các môn học trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế phát triển hoặc ngành Kinh tế phát triển để chọn môn học bổ sung.

1.5. Phương pháp học, đánh giá kết quả học tập

- Phương pháp học, đánh giá kết quả học phụ thuộc vào cơ sở đào tạo mà Viện gửi NCS theo học.

- Nghiên cứu sinh phải báo cáo kết quả học tập về Viện sau khi hoàn thành môn học.

2. Học các học phần trình độ tiến sĩ

2.1. Đối tượng áp dụng

Tất cả các nghiên cứu sinh phải học các học phần trình độ tiến sĩ. Nghiên cứu sinh chủ động lựa chọn và đăng ký các học phần trình độ tiến sĩ ngay trong năm đầu khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2.2. Mục đích, yêu cầu

Các học phần trình độ tiến sĩ giúp NCS hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cốt lõi, chuyên sâu và cập nhật kiến thức tiên tiến về ngành Kinh tế phát triển; hỗ trợ NCS phát triển khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành của lĩnh vực nghiên cứu Kinh tế phát triển để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của ngành Kinh tế phát triển; hỗ trợ NCS rèn luyện và phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích, chứng minh và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết các vấn đề của lĩnh vực Kinh tế phát triển.

2.3. Nơi học và thời gian học

- Các học phần trình độ tiến sĩ được tổ chức giảng dạy tại Viện.
- Thời gian tổ chức các học phần trình độ tiến sĩ được thực hiện sau khi nghiên cứu sinh trúng tuyển hoặc sau khi học xong các học phần bổ sung trình độ thạc sĩ (đối với những nghiên cứu sinh thuộc diện phải học bổ sung trình độ thạc sĩ).

2.4. Khối lượng kiến thức

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 5 học phần trình độ tiến sĩ với khối lượng kiến thức là 15 tín chỉ (mỗi học phần là 3 tín chỉ). Trong đó, có 3 học phần bắt buộc và 2 học phần tự chọn. Các học phần “bắt buộc” là những học phần căn bản, bổ sung kiến thức nền và những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành Kinh tế học, ngành Kinh tế phát triển. Các học phần “tự chọn” có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài NCS và hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu ngành Kinh tế phát triển, kỹ năng thực hiện Tiểu luận tổng quan, Chuyên đề tiến sĩ, Luận án tiến sĩ và bài báo khoa học. Nghiên cứu sinh chọn trong số các học phần nêu tại Bảng 1.

Các học phần bắt buộc và học phần tự chọn được xây dựng đảm bảo truyền tải được ba bộ phận kiến thức hợp thành sau:

- *Bộ phận kiến thức 1:* Bổ sung kiến thức nền của ngành Kinh tế phát triển và hỗ trợ NCS phát triển khả năng ứng dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn của lĩnh vực Kinh tế phát triển. Bộ phận kiến thức này gồm 2 học phần với khối lượng 6 tín chỉ, gồm: (1). Kinh tế phát triển (cốt lõi và ứng dụng), 3 tín chỉ; (2). Quản lý kinh tế, 3 tín chỉ.

- *Bộ phận kiến thức 2:* củng cố và cập nhật kiến thức tiên tiến về phát triển kinh tế hiện đại trong thời đại toàn cầu hóa. Bộ phận kiến thức này gồm 2 học phần với khối lượng 6 tín chỉ, mỗi học phần có khối lượng 3 tín chỉ, gồm: (1) Hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia các FTA, các mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu (3TC); (2). Thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam (3TC).

- *Bộ phận kiến thức 3:* Cung cấp những kiến thức phát triển kinh tế mang tính thực tiễn, hiện đại và chuyên sâu có liên quan tới chủ đề nghiên cứu của luận án tiến sĩ của NCS; Hỗ trợ NCS rèn luyện các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu ngành Kinh tế phát triển, thực hiện luận án tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và bài báo khoa học. Bộ phận kiến thức này gồm 5 học phần với khối lượng 15 tín chỉ, mỗi học phần có khối lượng 3 tín chỉ. NCS và tập thể giáo viên hướng dẫn chịu trách nhiệm đề xuất, lựa chọn, xác định tên học phần trong số các học phần tự chọn trong Chương trình đào tạo do Viện quy định (chi tiết tại Bảng 2, được bổ sung, điều chỉnh ít nhất 2 năm một lần) để đăng ký học. Tổ bộ môn Kinh tế phát triển chủ trì và phối hợp với Trung tâm tư vấn, đào tạo và thông tin tư liệu có trách nhiệm đề xuất Viện trưởng phương án bố trí, phân công giảng viên chuẩn bị đề cương chi tiết bài giảng và giảng dạy từng học phần, bảo đảm việc cung cấp cho NCS những kiến thức nền bổ sung, cập nhật về lĩnh vực nghiên cứu của từng học phần và đề tài NCS có liên quan (ít nhất là 2 năm phải 1 lần bổ sung, cập nhật kiến thức mới). Người tham gia giảng dạy mỗi học phần gồm: 01 giảng viên phụ trách chính và các giảng viên khác có trình độ tiến sĩ trở lên, có hướng nghiên cứu chuyên sâu phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của học phần và đề tài của NCS.

Bảng 2: Danh sách các học phần trình độ tiến sĩ

STT	Học phần	Số tín chỉ
I	Các học phần bắt buộc	
1	Kinh tế phát triển (cốt lõi và ứng dụng)	3
2	Quản lý kinh tế	3
3	Hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia các FTA, các mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu	3
4	Thế chế kinh tế thị trường ở Việt Nam	3
I.I	Các học phần tự chọn	15
1	Phát triển bền vững	3
2	Phân tích chính sách kinh tế vĩ mô	3
3	Năng lực cạnh tranh	3
4	Quản trị công ty	3
5	Quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp	3
6	Đánh giá tác động của chính sách, pháp luật kinh tế	3
7	Quản lý đầu tư công, mua sắm công	3
8	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành trong Kinh tế phát triển	3
9	Kỹ năng thực hiện luận án, chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và viết bài báo khoa học	3

2.5. Phương pháp học, đánh giá kết quả học tập

- Tổ chức giảng dạy các học phần trình độ tiến sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của nghiên cứu sinh.

- Phương pháp đánh giá mỗi học phần trình độ tiến sĩ do giảng viên chính đề xuất và được Tổ trưởng Tổ bộ môn Kinh tế phát triển chấp thuận, có thể theo các dạng: Vấn đáp, trắc nghiệm, viết tiểu luận thu hoạch theo đề bài do giảng viên ra đề.

- Điểm đánh giá học phần là điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần. Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần do giảng viên phụ trách học phần đảm nhiệm.

- Điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, lẻ đến 0,5. Nghiên cứu sinh không dự thi kết thúc học phần mà không có lý do chính đáng sẽ nhận điểm không (điểm 0). Học phần trình độ tiến sĩ đạt yêu cầu khi đạt từ điểm 5 trở lên. Nếu học phần được điểm dưới 5 thì nghiên cứu sinh phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong các lần học.

- Điểm học phần phải được thông báo cho nghiên cứu sinh. Điểm học phần phải được ghi vào bảng điểm học tập của người học theo mẫu thống nhất do Trung tâm quy định và phải được ghi, lưu trong sổ điểm chung do Trung tâm quản lý.

3. Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học

3.1. Đối tượng áp dụng

Tất cả các nghiên cứu sinh phải tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập, nghiên cứu và viết luận án.

3.2. Mục đích, yêu cầu

Mục đích nghiên cứu sinh tham gia các hoạt động khoa học là để nghiên cứu sinh làm quen với cách thức viết báo cáo khoa học, trình bày kết quả khoa học; nắm bắt thông tin thực tế và tài có liên quan đến luận án; giúp nghiên cứu sinh trình bày kết quả sơ bộ luận án để từ đó nâng cao chất lượng học tập và viết luận án.

3.3. Nơi tổ chức và thời gian tổ chức

Viện sẽ tạo điều kiện, mời các nghiên cứu sinh tham gia các hội thảo do Viện tổ chức trong và ngoài Viện; đồng thời giới thiệu để nghiên cứu sinh tham

gia các hội nghị, hội thảo không phải do Viện tổ chức nhưng có liên quan đến nội dung và hướng nghiên cứu luận án.

Thời gian tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học được thực hiện trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3.4. Khối lượng kiến thức

Các hoạt động nghiên cứu khoa học đạt yêu cầu có khối lượng kiến thức là 6 tín chỉ. Nghiên cứu sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu có thể tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học sau để tính đủ số tín chỉ:

- Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học. Tổ trưởng Tổ bộ môn có trách nhiệm liên hệ với chủ nhiệm các đề tài khoa học trong Viện có nội dung sát với luận án của nghiên cứu sinh để nghiên cứu sinh được tham gia các hoạt động của đề tài, tiếp cận các sản phẩm khoa học của đề tài. Tham gia với vai trò là thành viên đề tài được tính 2 tín chỉ.

- Tham gia các hội thảo khoa học. Tổ trưởng Tổ bộ môn căn cứ vào nội dung các hội thảo do Viện tổ chức cũng như các hội thảo có liên quan khác thông báo mời các nghiên cứu sinh tham dự hội thảo để nghiên cứu sinh có thêm cơ hội trình bày tham luận, nắm bắt tình hình và có thêm tư mới. Mỗi hội thảo khi tham gia mà không trình bày bài được tính 0,2 tín chỉ; tham gia có trình bày bài được tính 01 tín chỉ.

- Tham gia các buổi bảo vệ luận án. Tổ trưởng Tổ bộ môn căn cứ vào hướng nghiên cứu luận án của từng nghiên cứu sinh để thông báo mời tham dự các buổi bảo vệ luận án của các nghiên cứu sinh khác. Tham gia mỗi buổi bảo vệ luận án được tính 0,2 tín chỉ.

- Trình bày kết quả sơ bộ nội dung luận án. Trước khi bảo vệ luận án cấp cơ sở, nghiên cứu sinh trình bày kết quả luận án trước Tổ bộ môn để tiếp thu ý kiến nhận xét, đánh giá hoàn thiện luận án. Việc trình bày luận án trước Tổ bộ môn có thể do nghiên cứu sinh tự đăng ký hoặc được Tổ trưởng Tổ bộ môn, Giám đốc Trung tâm yêu cầu. Khi nghiên cứu sinh trình bày, Tổ bộ môn mời các nghiên cứu sinh khác cùng tham dự để học tập, góp ý cho nhau. Có trình bày kết quả sơ bộ nội dung luận án trước Tổ bộ môn được tính 3 tín chỉ.

3.5. Phương thức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện

- Nghiên cứu sinh chủ động tham gia hoặc được Tổ trưởng Tổ bộ môn hoặc Giám đốc Trung tâm giới thiệu tham gia. Khi tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu sinh có thể tham gia với vai trò là người trình bày báo cáo khoa học, với vai trò là người dự hội nghị, hội thảo.

- Căn cứ vào các hoạt động nghiên cứu sinh tham gia để xác định tổng số tín chỉ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh.

- Bằng chứng tham gia các hoạt động khoa học của nghiên cứu sinh được xác định bằng quyết định công nhận đề tài nếu tham gia đề tài khoa học; xác nhận bằng danh sách đại biểu tham dự nếu là hội thảo khoa học; xác nhận bằng giấy xác nhận của Trung tâm nếu tham gia các buổi bảo vệ luận án của các nghiên cứu sinh khác và trình bày nội dung sơ bộ luận án của mình trước Tổ bộ môn.

4. Nghiên cứu, viết các chuyên đề tiến sĩ

4.1. Đối tượng áp dụng

Tất cả nghiên cứu sinh đều phải thực hiện 01 Tiểu luận tổng quan và 03 chuyên đề tiến sĩ, với tổng khối lượng 12 tín chỉ.

Nghiên cứu sinh phải đăng ký tên tiểu luận tổng quan và tên các chuyên đề tiến sĩ với Trung tâm để có cơ sở hỗ trợ Tổ bộ môn và nghiên cứu sinh tổ chức triển khai. Trung tâm ký xác nhận vào đơn đăng ký của nghiên cứu sinh để lưu hồ sơ của nghiên cứu sinh.

4.2. Mục đích, yêu cầu

Mục đích của việc thực hiện tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ là những hoạt động nghiên cứu khoa học chủ động của nghiên cứu sinh để từ đó nghiên cứu sinh làm quen với phương pháp nghiên cứu khoa học, quen với cách thức tổ chức và xây dựng một công trình nghiên cứu khoa học; góp phần xây dựng và hình thành nội dung của luận án.

4.3. Nơi học và thời gian học

- Nghiên cứu sinh chủ động thực hiện tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ tại Viện và thời gian tự học.

- Thời gian thực hiện các chuyên đề tiến sĩ phải xong trước khi tổ chức bảo vệ luận án cấp cơ sở.

4.4. Khối lượng kiến thức

a) Đối với Tiểu luận tổng quan

- Nghiên cứu, viết tiểu luận tổng quan là một hoạt động nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh. Mỗi nghiên cứu sinh phải thực hiện 1 tiểu luận tổng quan. Tiểu luận tổng quan có khối lượng kiến thức là 3 tín chỉ.

- Tiểu luận tổng quan là công trình nghiên cứu của nghiên cứu sinh về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án. Trong tiểu luận tổng quan, nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong nước và nước ngoài liên quan đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết, xác định rõ phương hướng giải quyết các vấn đề nghiên cứu của luận án. Nội dung tiểu luận tổng quan được gợi ý tại Bảng 2.

- Tiểu luận tổng quan được trình bày theo hình thức báo cáo khoa học, có số lượng khoảng 20 trang A4. Trong đó, có: trang bìa, mục lục, mở đầu, các nội dung nghiên cứu, tài liệu tham khảo, phụ lục (nếu có); định dạng văn bản và cách trình bày tiểu mục, tên bảng biểu, đồ thị tuân thủ theo quy định về trình bày của luận án tiến sĩ.

b) Đối với các chuyên đề tiến sĩ

- Nghiên cứu, viết tiểu luận tổng quan là một hoạt động nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh. Mỗi nghiên cứu sinh phải thực hiện 3 chuyên đề tiến sĩ. Khối lượng kiến thức của mỗi chuyên đề tiến sĩ là 3 tín chỉ; tổng khối lượng kiến thức của cả 3 chuyên đề tiến sĩ là 9 tín chỉ.

- Chuyên đề tiến sĩ là công trình nghiên cứu khoa học giúp nghiên cứu sinh cập nhật kiến thức mới và giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Nghiên cứu sinh tự xác định tên và nội dung của từng chuyên đề. Nội dung của từng chuyên đề tiến sĩ được gợi ý tại Bảng 2.

- Tên chuyên đề tiến sĩ do NCS tự đề xuất sau khi tham khảo ý kiến của Giáo viên hướng dẫn/người hướng dẫn khoa học của NCS, nhưng phải đáp ứng các yêu cầu: Phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài luận án. Tên các chuyên đề tiến sĩ phải được sự đồng ý của Tổ trưởng Tổ bộ môn Kinh tế phát triển, Giám đốc Trung tâm và được đăng ký chính thức trong kế hoạch đào tạo của từng NCS và của toàn khóa đào tạo NCS của Viện.

- Các chuyên đề tiến sĩ được trình bày theo hình thức báo cáo khoa học, có số lượng khoảng 30 - 40 trang A4 gồm: trang bìa, mục lục, mở đầu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu (thực trạng và các định hướng giải pháp) và kết luận. Định dạng văn bản và cách trình bày tiêu mục, tên bảng biểu, đồ thị trong các chuyên đề tuân thủ theo quy định về trình bày của luận án tiến sĩ.

Bảng 2. Hướng lựa chọn nội dung viết các chuyên đề tiến sĩ

TT	Gợi ý hướng nội dung	Số tín chỉ
1	Tiểu luận tổng quan	3
	- Đánh giá các công trình nghiên cứu trước có liên quan, đánh giá về nội dung, phương pháp nghiên cứu, phạm vi không gian và thời gian nghiên cứu - Xác định những kết quả đạt được và khoảng trống nghiên cứu ở các công trình nghiên cứu trước - Xác định mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu của luận án	
2	Chuyên đề tiến sĩ số 1	3
	- Các vấn đề lý luận có liên quan đến nội dung luận án - Phương pháp nghiên cứu, khung phân tích nội dung luận án - Kinh nghiệm thực tiễn của quốc gia, quốc tế xử lý vấn đề liên quan đến nội dung luận án	
3	Chuyên đề tiến sĩ số 2	3
	- Tập trung làm rõ các nội dung khi nghiên cứu vấn đề của luận án - Sử dụng số liệu, thông tin thực tế để làm rõ thực trạng các nội dung nghiên cứu của luận án	
4	Chuyên đề tiến sĩ số 3	3
	- Xác định những bất cập, hạn chế đang cản trở sự phát triển của vấn đề nghiên cứu của luận án - Kiến nghị hướng giải quyết các bất cập, hạn chế đang cản trở sự phát triển của vấn đề nghiên cứu của luận án	

4.5. Phương pháp thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện

a) Nghiên cứu sinh chủ động nghiên cứu, viết tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn, Tổ trưởng Tổ bộ môn và Giám đốc Trung tâm (khi cần thiết).

b) Đánh giá kết quả thực hiện tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện theo hình thức hội đồng, cụ thể:

- Viện trưởng quyết định thành lập các Tiểu ban đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ của nghiên cứu sinh trên cơ sở đề xuất của Tổ trưởng Tổ bộ môn và Giám đốc Trung tâm. Mỗi Tiểu ban đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ có 3 thành viên, gồm Trưởng Tiểu ban, Ủy viên Thư ký và Ủy viên phản biện. Thành viên Tiểu ban phải là người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ, am hiểu sâu sắc về chuyên ngành, lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Chương trình buổi họp Tiểu ban đánh giá tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ được chia thành hai phần:

- + Phần đầu được tổ chức theo thể thức của một cuộc sinh hoạt khoa học: Đại diện Trung tâm tuyên bố lý do, đọc Quyết định thành lập Tiểu ban và giới thiệu thành phần tham dự buổi sinh hoạt khoa học; nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu; các thành viên Tiểu ban và các đại biểu tham dự nhận xét, đánh giá và nêu câu hỏi để nghiên cứu sinh trả lời, trao đổi;

- + Tiểu ban hội ý riêng để thảo luận, đánh giá và chấm điểm tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ theo thang điểm 10. Điểm đánh giá bình quân đạt từ 5,0 điểm trở lên là đạt yêu cầu; thấp hơn 5,0 điểm là không đạt yêu cầu. Khi không đạt yêu cầu ở chuyên đề nào thì nghiên cứu sinh sẽ phải hoàn thiện lại chuyên đề đó; sau đó trình bày lại trước Tiểu ban để đánh giá lại.

- Kết quả đánh giá tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ (biên bản họp và phiếu đánh giá) được gửi về Trung tâm.

c) Tiêu chí đánh giá tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ

- Việc đánh giá Tiểu luận tổng quan theo các tiêu chí chủ yếu: Sự cần thiết nghiên cứu đề tài luận án và mục đích, ý nghĩa của Tiểu luận tổng quan; mức độ đầy đủ, toàn diện và cập nhật của nội dung tổng quan các công trình đã

công bố liên quan mật thiết đến chủ đề nghiên cứu của đề tài luận án; Tính chính xác, độ tin cậy của những vấn đề thuộc đề tài luận án của NCS chưa được các công trình đã công bố nghiên cứu giải quyết (khoảng trống tri thức); Sự rõ ràng về ý tưởng và thiết kế nghiên cứu của NCS để giải quyết những vấn đề mới mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu giải quyết; Phương pháp trình diễn và kết quả bảo vệ Tiểu luận tổng quan trước Tiểu ban; Mức độ đáp ứng thời hạn nghiên cứu Tiểu luận tổng quan.

- Việc đánh giá mỗi chuyên đề tiến sĩ theo các tiêu chí chủ yếu sau: Tính cấp thiết và sự phù hợp của tên và nội dung chuyên đề với đề tài luận án của NCS; Sự rõ ràng, phù hợp của mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và giới hạn phạm vi nghiên cứu chuyên đề với tên chuyên đề; Sự phù hợp của nội dung chuyên đề với tên chuyên đề và tính hệ thống, logic của nội dung chuyên đề; Tính mới và độ sâu của nội dung chuyên đề; Phương pháp nghiên cứu, hình thức trình bày kết quả nghiên cứu chuyên đề; Phương pháp trình diễn và nội dung trả lời, bảo vệ chuyên đề trước Tiểu ban đánh giá; Công bố kết quả chuyên đề (báo cáo khoa học, bài báo...); Mức độ đáp ứng thời hạn nghiên cứu, hoàn thành chuyên đề.

5. Nghiên cứu, viết luận án và bảo vệ luận án

5.1. Đối tượng áp dụng

Tất cả nghiên cứu sinh đều phải tổ chức nghiên cứu, viết luận án. Tên đề tài luận án được đăng ký trong Quyết định công nhận nghiên cứu sinh khi nghiên cứu sinh trúng tuyển. Nghiên cứu sinh chủ động tổ chức nghiên cứu và viết luận án ngay từ khi có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh chủ động xin ý kiến góp ý của người hướng dẫn khoa học, các thầy cô trong Tổ bộ môn để hoàn thiện nội dung luận án.

5.2. Mục đích, yêu cầu

Nghiên cứu, viết luận án của nghiên cứu sinh là hoạt động nghiên cứu chủ động của nghiên cứu sinh dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học, của Tổ bộ môn và của Trung tâm.

Luận án của nghiên cứu sinh phải đáp ứng yêu cầu của một luận án tiến sĩ cả về nội dung và hình thức được quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.3. Nơi học và thời gian học

- Nghiên cứu, viết luận án được thực hiện trong thời gian học tập chính thức và thời gian gia hạn học tập của nghiên cứu sinh (nếu có).
- Nghiên cứu sinh chủ động nghiên cứu, viết luận án trong thời gian học tập tại Viện và thời gian khác do nghiên cứu sinh tự bố trí.

5.4. Khối lượng kiến thức và một số yêu cầu đối với luận án

Luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của nghiên cứu sinh, có khối lượng kiến thức tối đa 57 tín chỉ. Luận án phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

1) Yêu cầu về nội dung luận án

a) Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học độc lập, sáng tạo của nghiên cứu sinh, có đóng góp mới về mặt lý luận và thực tiễn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọng vấn đề đặt ra của đề tài luận án thuộc ngành Kinh tế phát triển.

b) Luận án tiến sĩ ngành Kinh tế phát triển phải giải quyết những vấn đề khoa học chuyên ngành có tính cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cụ thể. Tên đề tài luận án tiến sĩ và nội dung luận án phải đảm bảo phù hợp với ngành Kinh tế phát triển. Nội dung luận án phải đảm bảo phù hợp với tên đề tài luận án. Việc xác định mục tiêu nghiên cứu đề tài phải phù hợp và nhất quán với tên đề tài luận án đã xác định. Các phương pháp nghiên cứu được lựa chọn để giải quyết các vấn đề khoa học của luận án phải phù hợp với tính chất ngành Kinh tế phát triển. Các tư liệu, số liệu và nội dung kế thừa, trích dẫn kết quả các công trình nghiên cứu của người khác đã công bố phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng và trung thực. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

c) Luận án tiến sĩ kinh tế ngành Kinh tế phát triển phải có những đóng góp mới về mặt học thuật ngành Kinh tế phát triển, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của khoa học ngành Kinh tế phát triển để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án. Trên cơ sở đó, đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới.

d) Luận án phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể: phải trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác. Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu.

đ) Phải có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án. Bản cam đoan là phần không tách rời nội dung luận án (được đặt sau bìa phụ và trước Mục lục luận án).

2) Yêu cầu về trúc nội dung luận án

a) Mở đầu. Trình bày rõ lý do chọn đề tài; điểm mới của luận án (về khoa học, thực tiễn); giới thiệu tóm tắt cấu trúc luận án.

b) Chương 1. Tổng quan các công trình và hướng nghiên cứu của luận án. Nội dung chương này tập trung phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố trong và ngoài nước để khái quát lại những kết quả đạt được và khoảng trống nghiên cứu; từ đó xác định hướng nghiên cứu của luận án gồm: mục tiêu nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.

c) Chương 2. Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn. Làm rõ các vấn đề lý luận có liên quan đến nội dung luận án; kinh nghiệm thực tiễn có liên quan đến nội dung luận án.

d) Chương 3. Thực trạng vấn đề nghiên cứu. Nội dung chương này là tập trung làm rõ các kết quả nghiên cứu của luận án.

đ) Chương 4. Đề xuất cách thức giải quyết các vấn đề đã phát hiện từ nghiên cứu thực trạng.

e) Kết luận và kiến nghị. Tóm lược những kết quả nghiên cứu (cả lý luận và thực tiễn); những hạn chế của luận án; kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp theo.

g) Các phần khác của luận án. Sau phần kết luận và kiến nghị là phần danh mục các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án đã công bố; tài liệu tham khảo; phụ lục.

3) Yêu cầu về hình thức luận án

Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman; cỡ chữ 14; giãn dòng (line spacing): multiple 1,3 line; cách đoạn (paragraph spacing): before 0,6 pt; after 0,6 pt. Dung lượng luận án không quá 150 trang A4, tính từ trang đầu tiên của phần Mở đầu đến trang cuối cùng của Kết luận và kiến nghị (không kể tài liệu tham khảo và phụ lục). Trong đó ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.

5.5. Phương pháp đánh giá luận án

Luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh được đánh giá và bảo vệ qua 2 cấp, đó là đánh giá luận án cấp cơ sở (cấp Tổ bộ môn) và đánh giá luận án cấp Viện (cấp cơ sở đào tạo).

Nội dung, cách thức đánh giá luận án và phản biện độc lập luận án được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nội dung đánh giá luận án tập trung vào một số vấn đề sau: ý nghĩa của đề tài luận án; sự trùng lặp của tên đề tài luận án và nội dung luận án với các công trình đã công bố; sự phù hợp của luận án với ngành đào tạo; mức độ phù hợp và hiện đại của phương pháp nghiên cứu; sự trung thực của thông tin, số liệu trong luận án; những kết quả đạt được gồm cả đóng góp mới của luận án; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án và hình thức của luận án.

Phần 4

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN SỰ HỖ TRỢ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

1. Đội ngũ giảng viên, người hướng dẫn khoa học

1.1. Tiêu chuẩn của đội ngũ giảng viên, người hướng dẫn khoa học

Tiêu chuẩn của giảng viên tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn khoa học cho nghiên cứu sinh phải đáp ứng yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và Thông tư

số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.2. Nguồn giảng viên, người hướng dẫn khoa học

Giảng viên, người hướng dẫn khoa học tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ và hướng dẫn khoa học cho nghiên cứu sinh của Viện được huy động từ hai nguồn, đó là đội ngũ cán bộ nghiên cứu viên cơ hữu của Viện và các nhà khoa học có hợp đồng đào tạo với Viện.

2. Nhân sự hỗ trợ đào tạo

Nhân sự hỗ trợ đào tạo tiến sĩ là lãnh đạo, viên chức tại Văn phòng Viện và tại Trung tâm tư vấn, đào tạo và thông tin tư liệu.

Nhân sự hỗ trợ đào tạo thực hiện các nhiệm vụ được quy định chi tiết tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện.

3. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu phục vụ đào tạo tiến sĩ là toàn bộ cơ sở vật chất, công nghệ của Viện, gồm: toàn bộ các phòng học, phòng học; thư viện; hệ thống máy tính và internet của Viện.

Khi có nhu cầu về cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, Trung tâm phối hợp với Văn phòng viện để bố trí phục vụ đào tạo.

Chương trình đào tạo này được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2022; các khóa tuyển sinh trước năm 2022 áp dụng theo Chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 1142/QĐ-QLKTTW ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương./.

VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Thị Hồng Minh